

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Sở Giao thông Vận tải được chuẩn hóa tại Thành phố Hồ Chí Minh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 05 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch đơn giản hóa thủ tục hành chính trọng tâm năm 2015;

Thực hiện Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 31/01/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân Thành phố năm 2015;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông Vận tải tại Tờ trình số 5097/TTr-SGTVT ngày 06 tháng 10 năm 2016 và Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 8330/TTr-STP ngày 06 tháng 10 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 101 thủ tục hành chính trong lĩnh vực đường thủy nội địa và lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông Vận tải được chuẩn hóa tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Danh mục và nội dung chi tiết của thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Bãi bỏ các thủ tục hành chính trong lĩnh vực đường thủy nội địa và lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông Vận tải đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố công bố trước đây.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Giao thông Vận tải, Giám đốc Sở Tư pháp và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm soát TTHC);
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND TP;
- UBND TP;
- TTUB: CT, các PCT;
- VPUB: CPVP/VX;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Phòng Văn xã;
- TT Công báo; TT Tin học TP;
- Lưu: VT, (P.VX-T). *ll.*

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Phong



**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 5643/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2016
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

**A. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở
Giao thông Vận tải**

STT	Tên thủ tục hành chính
I. Lĩnh vực đường thủy nội địa	
1.	Thủ tục chấp thuận vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo tuyến cố định đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam
2.	Thủ tục chấp thuận vận tải hành khách ngang sông
3.	Thủ tục chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa
4.	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa
5.	Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa
6.	Thủ tục công bố mở luồng, tuyến đường thủy nội địa đối với đường thủy nội địa chuyên dùng
7.	Thủ tục công bố đóng luồng, tuyến đường thủy nội địa đối với đường thủy nội địa chuyên dùng
8.	Thủ tục cho ý kiến dự án xây dựng công trình liên quan đến an toàn giao thông đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương
9.	Thủ tục cho ý kiến dự án xây dựng công trình liên quan đến công trình bảo đảm an ninh, quốc phòng trên đường thủy nội địa địa phương.
10.	Thủ tục chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với thi công công trình trên đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương.

11.	Thủ tục công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương và đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương
12.	Thủ tục công bố hạn chế giao thông đường thủy trên tuyến đường thủy nội địa địa phương (đối với trường hợp bảo đảm an ninh quốc phòng)
13.	Thủ tục công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương và đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương trong trường hợp tổ chức hoạt động thể thao, lễ hội, diễn tập trên đường thủy nội địa
14.	Thủ tục cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở dạy nghề thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa hạng tư, chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản, chứng chỉ nghiệp vụ
15.	Thủ tục cấp, cấp lại, chuyển đổi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng ba, hạng tư, máy trưởng hạng ba
16.	Thủ tục đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa
17.	Thủ tục đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa
18.	Thủ tục đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa
19.	Thủ tục đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật
20.	Thủ tục đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện
21.	Thủ tục đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện
22.	Thủ tục đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác
23.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện
24.	Thủ tục xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện

25.	Thủ tục cấp giấy phép vận tải thủy qua biên giới (cho phương tiện đi một chuyến, thời hạn tối đa là 60 ngày)
26.	Thủ tục chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài trên tuyến đường thủy nội địa quốc gia ủy quyền quản lý, đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương và bến thủy nội địa trong vùng nước cảng biển thuộc phạm vi địa giới hành chính địa phương
27.	Thủ tục Công bố hoạt động cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài trên tuyến đường thủy nội địa quốc gia được ủy quyền quản lý, các tuyến đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương thuộc phạm vi địa giới hành chính của địa phương
28.	Thủ tục Công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài trên tuyến đường thủy nội địa quốc gia được ủy quyền quản lý, các tuyến đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương thuộc phạm vi địa giới hành chính của địa phương
29.	Thủ tục phê duyệt hồ sơ đề xuất dự án thực hiện đầu tư nạo vét kết hợp tận thu sản phẩm trên tuyến đường thủy nội địa địa phương và vùng nước cảng, bến thủy nội địa nằm trên tuyến đường thủy nội địa địa phương do Ủy ban nhân dân thành phố công bố.
30.	Thủ tục phê duyệt phương án vận tải hàng hóa siêu trường hoặc hàng hóa siêu trọng trên đường thủy nội địa.
31.	Thủ tục cấp, cấp lại biển hiệu phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch
32.	Thủ tục cấp lại biển hiệu phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch trong trường hợp biển hiệu bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được

II. Lĩnh vực đường bộ

1.	Thủ tục cấp giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ.
2.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe
3.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe

4.	Thủ tục cấp Giấy phép xe tập lái
5.	Thủ tục cấp lại Giấy phép xe tập lái
6.	Thủ tục cấp mới Giấy phép đào tạo lái xe các hạng A1, A2, A3, A4
7.	Thủ tục cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe các hạng A1, A2, A3, A4
8.	Thủ tục cấp mới giấy phép đào tạo lái xe ô tô
9.	Thủ tục cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô
10.	Thủ tục cấp mới Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3
11.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3
12.	Thủ tục cấp mới Giấy phép lái xe
13.	Thủ tục cấp lại Giấy phép lái xe
14.	Thủ tục đổi giấy phép lái xe do ngành giao thông vận tải cấp
15.	Thủ tục đổi giấy phép lái xe mô tô do ngành công an cấp
16.	Thủ tục đổi Giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp
17.	Thủ tục đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp
18.	Thủ tục đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch lái xe vào Việt Nam
19.	Thủ tục cấp Giấy phép lái xe quốc tế
20.	Thủ tục cấp lại Giấy phép lái xe quốc tế
21.	Thủ tục chấp thuận xây dựng mới cơ sở đào tạo lái xe ô tô
22.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu
23.	Thủ tục di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng
24.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng cho chủ sở hữu xe máy chuyên dùng di chuyển đến
25.	Thủ tục sang tên đăng ký xe máy chuyên dùng cho tổ chức, cá nhân do cùng một Sở Giao thông vận tải quản lý
26.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có thời hạn
27.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị mất

28.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng
29.	Thủ tục đổi giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng
30.	Thủ tục xóa sổ đăng ký xe máy chuyên dùng.
31.	Thủ tục Cấp Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia đối với phương tiện vận tải phi thương mại là xe công vụ, xe của các đoàn thể và các tổ chức quốc tế, đoàn ngoại giao, xe do người ngoại quốc tự lái trừ phương tiện của các cơ quan Trung ương của Đảng, Nhà nước, Quốc hội, văn phòng các Bộ, các đoàn thể và các tổ chức quốc tế, đoàn ngoại giao đóng tại Thành phố Hồ Chí Minh
32.	Thủ tục cấp, cấp lại Giấy phép liên vận Việt – Lào cho phương tiện phi thương mại và phương tiện thương mại phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên lãnh thổ Lào
33.	Thủ tục cấp, cấp lại Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện thương mại thuộc các doanh nghiệp, hợp tác xã được cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào
34.	Thủ tục gia hạn Giấy phép liên vận Việt – Lào và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào.
35.	Thủ tục gia hạn đối với phương tiện phi thương mại Campuchia lưu trú tại Việt Nam.
36.	Thủ tục cấp Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam đối với xe thương mại
37.	Thủ tục cấp lại Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam đối với xe thương mại
38.	Thủ tục cấp Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam đối với xe phi thương mại
39.	Thủ tục cấp lại Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam đối với xe phi thương mại
40.	Thủ tục gia hạn Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào và Campuchia
41.	Thủ tục đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam- Lào – Campuchia

42.	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô
43.	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh đối với trường hợp Giấy phép bị hư hỏng, hết hạn, bị mất hoặc có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép
44.	Thủ tục cấp biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch
45.	Thủ tục cấp lại biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch
46.	Thủ tục cấp đổi biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch
47.	Thủ tục cấp phù hiệu xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công ten nơ, xe đầu kéo, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải bằng xe buýt
48.	Thủ tục cấp lại phù hiệu xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công ten nơ, xe đầu kéo, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải bằng xe buýt
49.	Thủ tục cấp phù hiệu xe trung chuyển
50.	Thủ tục cấp lại phù hiệu xe trung chuyển
51.	Thủ tục cấp phù hiệu xe nội bộ
52.	Thủ tục cấp lại phù hiệu xe nội bộ
53.	Thủ tục gia hạn Giấy phép vận tải và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc
54.	Thủ tục gia hạn Giấy phép vận tải đường bộ GMS cho phương tiện và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS.
55.	Thủ tục công bố đưa bến xe hàng vào khai thác
56.	Thủ tục công bố đưa bến xe khách vào khai thác
57.	Thủ tục công bố lại đưa bến xe khách vào khai thác.
58.	Thủ tục công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác
59.	Thủ tục công bố lại đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác
60.	Thủ tục lựa chọn đơn vị khai thác tuyến vận tải hành khách theo tuyến cố định
61.	Thủ tục đăng ký khai thác tuyến

B. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan khác (Cảng vụ đường thủy nội địa, Trường Cao đẳng Giao thông Vận tải)

STT	Tên thủ tục hành chính
I. Lĩnh vực đường thủy nội địa	
1	Thủ tục trình xác nhận trình báo đường thủy nội địa đối với tàu biển
2	Thủ tục trình xác nhận trình báo đường thủy nội địa đối với phương tiện thủy nội địa.
3	Thủ tục trình xác nhận trình báo đường thủy nội địa đối với phương tiện tàu cá
4	Thủ tục đối với phương tiện thủy nội địa vào cảng, bến thủy nội địa
5	Thủ tục đối với phương tiện thủy nội địa rời cảng, bến thủy nội địa.
6	Thủ tục gia hạn thời gian lưu lại lãnh thổ Việt Nam cho phương tiện vận tải thủy của Campuchia
II. Lĩnh vực đường bộ	
1.	Thủ tục cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng
2.	Thủ tục cấp đổi, cấp lại chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng